

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11B1 NĂM HỌC 2025-2026

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM: LÊ THỊ THANH NGÀ

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Lê Tuấn Anh	54281489	14/9/2009	Nam	Kinh	10A1	
2	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	54281490	15/6/2009	Nữ	Kinh	10A1	
3	Nguyễn Thái Bảo	54281491	04/11/2009	Nam	Kinh	10A1	
4	Cao Nguyễn Như Bình	54281492	09/9/2009	Nam	Kinh	10A1	
5	Võ Đình Mộc Châu	54281493	02/02/2009	Nữ	Kinh	10A1	
6	Võ Thành Danh	54281494	06/5/2009	Nam	Kinh	10A1	
7	Văn Thị Kỳ Diệu	54281495	14/7/2009	Nữ	Kinh	10A1	
8	Trương Quang Dũng	54281496	09/6/2009	Nam	Kinh	10A1	
9	Trương Vũ Quốc Cường	54281724	18/10/2009	Nam	Kinh	10A1	
10	Phạm Thùy Duyên	54281497	11/11/2009	Nữ	Kinh	10A1	
11	Trần Thị Mỹ Duyên	54281498	19/10/2009	Nữ	Kinh	10A1	
12	Lê Việt Hải	54281499	10/01/2009	Nam	Kinh	10A1	
13	Nguyễn Diên Hải	54281500	23/01/2009	Nam	Kinh	10A1	
14	Trần Lê Mỹ Hoàng	54281501	01/6/2009	Nữ	Kinh	10A1	
15	Trần Thị Mỹ Huyền	54281502	30/9/2009	Nữ	Kinh	10A1	
16	Võ Hà Duy Hưng	54281503	24/10/2009	Nam	Kinh	10A1	
17	Vy Ngọc Khải	54281504	10/5/2009	Nam	Kinh	10A1	
18	Lê Nguyên Khang	54281505	10/10/2009	Nam	Kinh	10A1	
19	Nguyễn Tùng Lân	54281506	01/02/2009	Nam	Kinh	10A1	
20	Nguyễn Quốc Lộc	54281507	05/02/2009	Nam	Kinh	10A1	
21	Trần Thị Xuân Mai	54281508	13/01/2009	Nữ	Kinh	10A1	
22	Trương Duy Mạnh	54281509	14/10/2009	Nam	Kinh	10A1	
23	Nguyễn Thị Trà My	54281510	28/6/2009	Nữ	Kinh	10A1	
24	Nguyễn Tấn Năng	54281511	20/9/2009	Nam	Kinh	10A1	
25	Huỳnh Thị Thanh Ngân	54281512	12/9/2009	Nữ	Kinh	10A1	
26	Nguyễn Kim Ngân	54281513	06/10/2009	Nữ	Kinh	10A1	
27	Phạm Thị Thu Ngân	54281514	24/01/2009	Nữ	Kinh	10A1	
28	Võ Lâm Tâm Nguyên	54281560	01/7/2009	Nữ	Kinh	10A2	Chuyên lớp
29	Bùi Hữu Nghị	54281515	14/10/2009	Nam	Kinh	10A1	
30	Nguyễn Đào Bảo Nhật	54281516	16/11/2009	Nam	Kinh	10A1	
31	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	54281517	27/5/2009	Nữ	Kinh	10A1	
32	Bùi Thanh Nhật	54281518	06/01/2009	Nam	Kinh	10A1	
33	Trần Huỳnh Lâm Phong	54281519	20/7/2009	Nam	Kinh	10A1	
34	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	54281520	12/10/2009	Nữ	Kinh	10A1	
35	Phạm Hoàng Thúy Quỳnh	54281521	19/3/2009	Nữ	Kinh	10A1	
36	Nguyễn Trường Sinh	54281522	07/9/2009	Nam	Kinh	10A1	
37	Lê Thị Huỳnh Thái	54281523	10/12/2009	Nữ	Kinh	10A1	
38	Đoàn Mạnh Thắng	54281524	26/5/2009	Nam	Kinh	10A1	
39	Nguyễn Phạm Bảo Trân	54281525	26/01/2009	Nữ	Kinh	10A1	
40	Nguyễn Ngọc Tú	54281526	02/3/2009	Nam	Kinh	10A1	
41	Phan Đặng Tuấn Tú	54281527	28/3/2009	Nam	Kinh	10A1	
42	Nguyễn Văn Tuệ	54281528	10/02/2009	Nam	Kinh	10A1	
43	Thới Thị Thảo Vi	54281530	28/8/2009	Nữ	Kinh	10A1	
44	Võ Văn Vinh	54281531	22/6/2009	Nam	Kinh	10A1	
45	Nguyễn Khắc Vỹ	54281532	23/12/2009	Nam	Kinh	10A1	
46	Võ Huỳnh Như Ý	54281533	26/9/2009	Nữ	Kinh	10A1	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

01. Môn học bắt buộc

- Toán 11 (KNTT)
- Ngữ văn 11 (KNTT)
- Tiếng Anh 11 (Global Success)
- Lịch sử 11 (KNTT)
- Giáo dục Quốc phòng An Ninh 11 (KNTT)
- Giáo dục Địa Phương 11 (pdf)
- Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp 11 (KNTT)
- GDTC: Bóng chuyền lớp 10 (KNTT)

* Giải thích: KNTT - Kết nối tri thức;

02. Môn học lựa chọn

- Vật lý 11 (KNTT)
- Hóa học 11 (KNTT)
- CN Công 11(KNTT)
- Tin UD 11 (KNTT)

03. Chuyên đề

- Vật lý 11 (KNTT)
- Hóa học 11 (KNTT)
- Tin UD 11 (KNTT)

Ngày thành lập: 11 tháng 7 năm 2025
 HIỆU TRƯỞNG
 THPT NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG
 Nguyễn Xuân Vinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11B2 NĂM HỌC 2025-2026
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM: NGUYỄN THỊ THANH THUYỀN

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Trần Duy An	54281534	04/01/2009	Nam	Kinh	10A2	
2	Cao Ngõ Kiều Ánh	54281535	17/6/2009	Nữ	Kinh	10A2	
3	Nguyễn Dương Gia Bằng	54281536	07/6/2009	Nam	Kinh	10A2	
4	Nguyễn Thị Ánh Châu	54281537	06/9/2009	Nữ	Kinh	10A2	
5	Trần Thanh Chung	54281538	19/02/2009	Nam	Kinh	10A2	
6	Nguyễn Quang Dũng	54281539	24/10/2009	Nam	Kinh	10A2	
7	Nguyễn Tấn Dũng	54281540	28/9/2009	Nam	Kinh	10A2	
8	Nguyễn Thanh Dương	54281541	26/5/2009	Nam	Kinh	10A2	
9	Tăng Gia Đạt	54281542	03/02/2009	Nam	Kinh	10A2	
10	Mai Ngọc Hào	54281543	28/10/2009	Nam	Kinh	10A2	
11	Trần Văn Anh Hoài	54281544	18/6/2009	Nam	Kinh	10A2	
12	Phạm Thị Như Hồng	54281545	27/01/2009	Nữ	Kinh	10A2	
13	Lê Gia Hưng	54281546	08/10/2009	Nam	Kinh	10A2	
14	Văn Quang Hưng	54281547	18/10/2009	Nam	Kinh	10A2	
15	Bùi Vũ Anh Khoa	54281548	12/12/2009	Nam	Kinh	10A2	
16	Lê Nguyễn Bảo Khuyên	54281549	14/9/2009	Nữ	Kinh	10A2	
17	Nguyễn Duyên Thiên Kiều	54281550	30/8/2009	Nữ	Kinh	10A2	
18	Nguyễn Thị Minh Kiều	54281551	22/6/2009	Nữ	Kinh	10A2	
19	Thượng Hoàng Long	54281552	04/01/2009	Nam	Kinh	10A2	
20	Trần Thị Như Mai	54281553	04/01/2009	Nữ	Kinh	10A2	
21	Lê Thị Trà Mi	54281554	29/7/2009	Nữ	Kinh	10A2	
22	Vũ Thị Trà My	54281555	27/8/2009	Nữ	Kinh	10A2	
23	Lê Bảo Ngọc	54281556	23/10/2009	Nữ	Kinh	10A2	
24	Nguyễn Thị Như Ngọc	54281557	03/11/2009	Nữ	Kinh	10A2	
25	Quảng Bảo Ngọc	54281558	24/8/2009	Nữ	Kinh	10A2	
26	Phạm Tâm Nguyên	54281559	23/10/2009	Nữ	Kinh	10A2	
27	Phan Thị Yến Nhi	54281561	12/01/2009	Nữ	Kinh	10A2	
28	Cao Vũ Phương Nhung	54281562	21/7/2009	Nữ	Kinh	10A2	
29	Trần Thị Yến Như	54281563	05/5/2009	Nữ	Kinh	10A2	
30	Nguyễn Mạnh Phát	54281564	01/8/2009	Nam	Kinh	10A2	
31	Nguyễn Thị Thanh Phúc	54281565	24/7/2009	Nữ	Kinh	10A2	
32	Trần Thị Như Quỳnh	54281567	19/3/2009	Nữ	Kinh	10A2	
33	Võ Duy Sơn	54281568	01/7/2009	Nam	Kinh	10A2	
34	Nguyễn Trần Minh Tâm	54281569	17/10/2009	Nam	Kinh	10A2	
35	Nguyễn Thị Huyền Thảo	54281570	30/4/2009	Nữ	Kinh	10A2	
36	Nguyễn Ngọc Thiên	54281571	28/10/2009	Nam	Kinh	10A2	
37	Lê Thị Thùy Trang	54281572	19/6/2009	Nữ	Kinh	10A2	
38	Bùi Thị Ngọc Trâm	54281573	07/12/2009	Nữ	Kinh	10A2	
39	Trần Thị Trâm	54281574	31/3/2009	Nữ	Kinh	10A2	
40	Nguyễn Vũ Đức Trọng	54281575	19/9/2009	Nam	Kinh	10A2	
41	Nguyễn Thanh Tùng	54281576	05/01/2009	Nam	Kinh	10A2	
42	Phạm Thị Tuyết Uyên	54281577	20/6/2009	Nữ	Kinh	10A2	
43	Trần Lưu Phi Vũ	54281579	27/9/2009	Nam	Kinh	10A2	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

01. Môn học bắt buộc

- Toán 11 (KNTT)
- Ngữ văn 11 (KNTT)
- Tiếng Anh 11 (Global Success)
- Lịch sử 11 (KNTT)
- Giáo dục Quốc phòng An Ninh 11 (KNTT)
- Giáo dục Địa Phương 11 (pdf)
- Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp 11 (KNTT)
- GDTC: Bóng chuyền lớp 10 (KNTT)

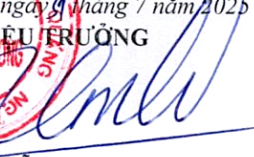
* **Giải thích: KNTT - Kết nối tri thức;**

02. Môn học lựa chọn

- Vật lý 11 (KNTT)
- Sinh 11 (KNTT)
- Tin UD 11 (KNTT)
- CN nông 11 (KNTT)

03. Chuyên đề

- Sinh 11 (KNTT)
- Tin UD 11 (KNTT)
- Vật lý 11 (KNTT)

Ngày 18 tháng 7 năm 2025
TRƯỜNG THPT NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG
HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Vinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11B3 NĂM HỌC 2025-2026

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM: PHẠM THỊ KIM LIÊN

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Đinh Việt Anh	54281580	29/9/2009	Nam	Kinh	10A3	
2	Trịnh Duy Anh	54281581	25/10/2008	Nam	Kinh	10A3	
3	Dương Văn Gia Bảo	54281582	02/11/2009	Nam	Kinh	10A3	
4	Lê Trung Chí	54281583	22/4/2009	Nam	Kinh	10A3	
5	Văn Tấn Chiến	54281584	20/5/2009	Nam	Kinh	10A3	
6	Nguyễn Xuân Chính	54281585	29/01/2009	Nam	Kinh	10A3	
7	Nguyễn Triều Cường	54281586	13/8/2008	Nam	Kinh	10A3	
8	Lê Thị Thúy Diễm	54281587	15/01/2009	Nữ	Kinh	10A3	
9	Cao Thị Huyền Diệu	54281588	20/12/2009	Nữ	Kinh	10A3	
10	Nguyễn Thị Thúy Dung	54281589	10/5/2009	Nữ	Kinh	10A3	
11	Đỗ Quang Duy	54281590	20/5/2009	Nam	Kinh	10A3	
12	Nguyễn Thiên Hạnh	54281591	14/4/2009	Nam	Kinh	10A3	
13	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	54281592	12/12/2008	Nữ	Kinh	10A3	
14	Nguyễn Thị Diễm Hằng	54281593	12/6/2009	Nữ	Kinh	10A3	
15	Đoàn Mỹ Huyền	54281594	18/7/2009	Nữ	Kinh	10A3	
16	Nguyễn Viết Kha	54281595	06/02/2009	Nam	Kinh	10A3	
17	Hồ Quang Khải	54281596	14/6/2008	Nam	Kinh	10A3	
18	Nguyễn Anh Kiệt	54281597	13/01/2008	Nam	Kinh	10A3	
19	Trần Cao Anh Kiệt	54281598	27/10/2009	Nam	Kinh	10A3	
20	Phạm Thị Cẩm Ly	54281599	07/4/2009	Nữ	Kinh	10A3	
21	Huỳnh Ngọc Duy Mạnh	54281600	08/4/2009	Nam	Kinh	10A3	
22	Hồ Ý My	54281601	24/6/2009	Nữ	Kinh	10A3	
23	Nguyễn Lê Phương Nguyên	54281602	20/7/2009	Nam	Kinh	10A3	
24	Phạm Công Anh Nhật	54281603	21/6/2009	Nam	Kinh	10A3	
25	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	54281604	08/3/2009	Nữ	Kinh	10A3	
26	Phạm Hồng Phát	54281605	02/01/2009	Nam	Kinh	10A3	
27	Nguyễn Đăng Phong	54281606	16/02/2009	Nam	Kinh	10A3	
28	Lê Thị Phụng	54281607	02/6/2009	Nữ	Kinh	10A3	
29	Lương Minh Quang	54281608	12/10/2009	Nam	Kinh	10A3	
30	Nguyễn Lê Minh Quang	54281609	16/12/2009	Nam	Kinh	10A3	
31	Nguyễn Thị Như Quỳnh	54281610	03/11/2009	Nữ	Kinh	10A3	
32	Lê Văn Tập	54281611	20/3/2009	Nam	Kinh	10A3	
33	Thị Văn Thắng	54281612	04/12/2009	Nam	Kinh	10A3	
34	Huỳnh Ngọc Thịnh	54281613	15/12/2009	Nam	Kinh	10A3	
35	Phạm Thị Minh Thư	54281614	18/10/2009	Nữ	Kinh	10A3	
36	Hoàng Thanh Tiến	54281615	27/11/2009	Nam	Kinh	10A3	
37	Bùi Thị Thùy Trang	54281616	29/4/2009	Nữ	Kinh	10A3	
38	Nguyễn Phan Thùy Trang	54281617	26/02/2009	Nữ	Kinh	10A3	
39	Đoàn Ngọc Bảo Trâm	54281618	02/10/2009	Nữ	Kinh	10A3	
40	Võ Thị Mỹ Trâm	54281619	14/7/2009	Nữ	Kinh	10A3	
41	Nguyễn Tấn Trung	54281620	27/5/2009	Nam	Kinh	10A3	
42	Nguyễn Tấn Trường	54281621	18/10/2009	Nam	Kinh	10A3	
43	Phạm Nguyễn Phương Uyên	54281622	24/01/2009	Nữ	Kinh	10A3	
44	Bạch Thị Yến Vy	54281623	30/5/2009	Nữ	Kinh	10A3	
45	Nguyễn Thị Tường Vy	54281624	30/8/2009	Nữ	Kinh	10A3	
46	Võ Thị Hồng Yên	54281625	13/12/2009	Nữ	Kinh	10A3	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

01. Môn học bắt buộc

- Toán 11 (KNTT)
- Ngữ văn 11 (KNTT)
- Tiếng Anh 11 (Global Success)
- Lịch sử 11 (KNTT)
- Giáo dục Quốc phòng An Ninh 11 (KNTT)
- Giáo dục Địa Phương 11 (pdf)
- Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp 11 (KNTT)
- GDTC: Bóng chuyền lớp 10 (KNTT)

* Giải thích: KNTT - Kết nối tri thức; CTST - Chân trời sáng tạo

02. Môn học lựa chọn

- Vật lý 11 (KNTT)
- Hóa học 11 (KNTT)
- CN Công 11 (KNTT)
- Địa 11 (CTST)

03. Chuyên đề

- Vật lý 11 (KNTT)
- Hóa 11 (KNTT)
- CN Công 11 (KNTT)



Nguyễn Xuân Vinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11B4 NĂM HỌC 2025-2026
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM: ĐẶNG THỊ THU HÀ

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Huỳnh Kỳ Anh	54281626	17/8/2009	Nam	Kinh	10A4	
2	Nguyễn Văn Bách	54281627	10/10/2009	Nam	Kinh	10A4	
3	Nguyễn Lê Bảo	54281628	29/3/2009	Nam	Kinh	10A4	
4	Ngô Huỳnh Chiến	54281629	16/4/2008	Nam	Kinh	10A4	
5	Nguyễn Đỗ Ngọc Diệp	54281630	27/3/2009	Nữ	Kinh	10A4	
6	Trần Văn Dũng	54281631	21/7/2009	Nam	Kinh	10A4	
7	Lưu Tấn Nhất Duy	54281632	30/4/2009	Nam	Kinh	10A4	
8	Đỗ Thị Mỹ Duyên	54281633	07/7/2009	Nữ	Kinh	10A4	
9	Võ Duy Đoàn	54281634	09/4/2009	Nam	Kinh	10A4	
10	Lê Nhật Hào	54281635	16/11/2009	Nam	Kinh	10A4	
11	Nguyễn Huỳnh Gia Hân	54281636	27/8/2009	Nam	Kinh	10A4	
12	Lê Văn Hùng	54281637	05/5/2009	Nam	Kinh	10A4	
13	Võ Nhật Huy	54281638	14/01/2009	Nam	Kinh	10A4	
14	Võ Hoàng Anh Kha	54281639	02/8/2009	Nữ	Kinh	10A4	
15	Trần Thị Thủy Kiều	54281640	22/12/2009	Nữ	Kinh	10A4	
16	Nguyễn Phi Long	54281641	02/5/2009	Nam	Kinh	10A4	
17	Nguyễn Luân	54281642	26/01/2009	Nam	Kinh	10A4	
18	Trương Quang Luật	54281643	25/5/2009	Nam	Kinh	10A4	
19	Lê Thị Kiều Ly	54281644	19/10/2009	Nữ	Kinh	10A4	
20	Lê Thị Hương Mai	54281645	30/5/2009	Nữ	Kinh	10A4	
21	Ngô Nguyễn Anh Na	54281646	11/3/2009	Nữ	Kinh	10A4	
22	Nguyễn Văn Bảo Nam	54281647	06/10/2009	Nam	Kinh	10A4	
23	Phạm Thị Mỹ Nga	54281648	04/01/2009	Nữ	Kinh	10A4	
24	Trương Thị Bảo Ngọc	54281649	01/5/2009	Nữ	Kinh	10A4	
25	Phan Phạm Nhật	54281650	23/12/2009	Nam	Kinh	10A4	
26	Nguyễn Võ Thảo Nhi	54281652	07/7/2009	Nữ	Kinh	10A4	
27	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	54281651	14/11/2009	Nữ	Kinh	10A4	
28	Nguyễn Đức Phát	54281653	12/6/2009	Nam	Kinh	10A4	
29	Nguyễn Xuân Quang	54281654	19/01/2009	Nam	Kinh	10A4	
30	Nguyễn Trịnh Anh Quân	54281655	07/02/2009	Nam	Kinh	10A4	
31	Từ Văn Trần Quý	54281656	11/10/2009	Nam	Kinh	10A4	
32	Hồ Lưu Hạ Quyên	54281566	09/11/2009	Nữ	Kinh	10A2	Chuyển lớp
33	Nguyễn Nữ Như Quỳnh	54281657	24/02/2009	Nữ	Kinh	10A4	
34	Huỳnh Thanh Sơn	54281658	25/01/2009	Nam	Kinh	10A4	
35	Hồ Nhật Tảo	54281659	07/10/2009	Nam	Kinh	10A4	
36	Lương Hữu Tạo	54281660	25/11/2009	Nam	Kinh	10A4	
37	Lê Duy Thịnh	54281661	14/3/2009	Nam	Kinh	10A4	
38	Nguyễn Thị Thu Thủy	54281663	01/7/2009	Nữ	Kinh	10A4	
39	Bùi Trần Thu Thủy	54281662	09/4/2009	Nữ	Kinh	10A4	
40	Nguyễn Huyền Trang	54281664	09/5/2009	Nữ	Kinh	10A4	
41	Võ Thị Thu Trang	54281665	29/01/2009	Nữ	Kinh	10A4	
42	Nguyễn Công Trí	54281666	26/11/2009	Nam	Kinh	10A4	
43	Nguyễn Hữu Triều	54281667	20/6/2009	Nam	Kinh	10A4	
44	Nguyễn Tấn Nhật Trường	54281668	06/01/2009	Nam	Kinh	10A4	
45	Võ Văn Tường	54281669	24/6/2009	Nam	Kinh	10A4	
46	Nguyễn Thị Thanh Vân	54281670	13/9/2009	Nữ	Kinh	10A4	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

01. Môn học bắt buộc

- Toán 11 (KNTT)
- Ngữ văn 11 (KNTT)
- Tiếng Anh 11 (Global Success)
- Lịch sử 11 (KNTT)
- Giáo dục Quốc phòng An Ninh 11 (KNTT)
- Giáo dục Địa Phương 11 (pdf)
- Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp 11 (KNTT)
- GDTC: Bóng chuyền lớp 10 (KNTT)

* Giải thích: KNTT - Kết nối tri thức; CTST - Chân trời sáng tạo

02. Môn học lựa chọn

- Vật lý 11 (KNTT)
- Hóa học 11 (KNTT)
- Địa lý 11 (CTST)
- GD&PT-PL 11 (KNTT)

03. Chuyên đề

- Toán 11(KNTT)
- Vật lý 11(KNTT)
- Hóa 11(KNTT)



DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11B5 NĂM HỌC 2025-2026

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM: NGUYỄN THỊ HIỀN TRINH

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Nguyễn Gia Bảo	54281671	08/12/2009	Nam	Kinh	10A5	
2	Phạm Bình	54281672	18/02/2009	Nam	Kinh	10A5	
3	Nguyễn Phạm Ngọc Kiều Diễm	54281673	23/01/2009	Nữ	Kinh	10A5	
4	Nguyễn Phạm Tiến Dũng	54281674	21/01/2009	Nam	Kinh	10A5	
5	Bùi Trọng Đạt	54281675	29/6/2009	Nam	Kinh	10A5	
6	Lê Đăng Tường Giang	54281676	08/11/2009	Nữ	Kinh	10A5	
7	Nguyễn Thị Thanh Hằng	54281677	16/12/2009	Nữ	Kinh	10A5	
8	Đặng Phan Ngọc Hân	54281678	25/6/2009	Nữ	Kinh	10A5	
9	Lê Thị Hiền	54281679	22/9/2009	Nữ	Kinh	10A5	
10	Nguyễn Văn Hiếu	54281680	14/9/2009	Nam	Kinh	10A5	
11	Lê Phát Huy	54281681	26/4/2009	Nam	Kinh	10A5	
12	Nguyễn Văn Kha	54281682	09/02/2009	Nam	Kinh	10A5	
13	Trần Nhật Khoa	54281683	09/3/2009	Nam	Kinh	10A5	
14	Nguyễn Tấn Khuyển	54281684	30/7/2009	Nam	Kinh	10A5	
15	Nguyễn Thùy Linh	54281685	17/01/2009	Nữ	Kinh	10A5	
16	Hồ Thị Bích Ly	54281686	04/10/2009	Nữ	Kinh	10A5	
17	Nguyễn Ngọc Minh	54281687	08/7/2009	Nam	Kinh	10A5	
18	Phạm Đặng Trà My	54281688	23/12/2009	Nữ	Kinh	10A5	
19	Nguyễn Lê Ly Na	54281689	14/10/2009	Nữ	Kinh	10A5	
20	Phạm Kim Ngân	54281690	22/7/2009	Nữ	Kinh	10A5	
21	Phạm Trần Mỹ Ngân	54281691	05/02/2009	Nữ	Kinh	10A5	
22	Lâm Chí Nghiệp	54281692	04/4/2009	Nam	Kinh	10A5	
23	Nguyễn Tấn Nhật	54281693	29/10/2008	Nam	Kinh	10A5	
24	Trần Cao Phát	54281694	05/6/2009	Nam	Kinh	10A5	
25	Nguyễn Tấn Phú	54281695	19/11/2009	Nam	Kinh	10A5	
26	Nguyễn Văn Phú	54281696	16/12/2009	Nam	Kinh	10A5	
27	Vy Bảo Phúc	54281697	28/3/2009	Nam	Kinh	10A5	
28	Lê Thanh Quyền	54281698	29/5/2009	Nam	Kinh	10A5	
29	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	54281699	10/3/2009	Nữ	Kinh	10A5	
30	Nguyễn Thị Như Quỳnh	54281700	19/8/2009	Nữ	Kinh	10A5	
31	Vy Thị Như Quỳnh	54281701	08/11/2009	Nữ	Kinh	10A5	
32	Lê Xuân Tàu	54281702	03/10/2009	Nam	Kinh	10A5	
33	Bùi Thị Duyên Thùy	54281703	01/9/2008	Nữ	Kinh	10A5	
34	Trịnh Thị Bảo Thy	54281704	26/10/2009	Nữ	Kinh	10A5	
35	Nguyễn Đăng Tiến	54281705	02/8/2009	Nam	Kinh	10A5	
36	Nguyễn Thanh Tiến	54281706	07/01/2009	Nam	Kinh	10A5	
37	Nguyễn Thị Thanh Trà	54281707	24/7/2009	Nữ	Kinh	10A5	
38	Nguyễn Thành Trung	54281708	26/3/2009	Nam	Kinh	10A5	
39	Nguyễn Khắc Trục	54281709	14/02/2009	Nam	Kinh	10A5	
40	Nguyễn Tuấn Tú	54281710	03/3/2009	Nam	Kinh	10A5	
41	Võ Duy Tuấn	54281711	16/3/2009	Nam	Kinh	10A5	
42	Trương Thị Thanh Tuyền	54281712	02/11/2009	Nữ	Kinh	10A5	
43	Phạm Tấn Tường	54281713	12/9/2009	Nam	Kinh	10A5	
44	Đàm Phương Uyên	54281714	11/02/2009	Nữ	Kinh	10A5	
45	Nguyễn Lê Quang Vỹ	54281715	05/3/2009	Nam	Kinh	10A5	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

01. Môn học bắt buộc

- Toán 11 (KNTT)
- Ngữ văn 11 (KNTT)
- Tiếng Anh 11 (Global Success)
- Lịch sử 11 (KNTT)
- Giáo dục Quốc phòng An Ninh 11 (KNTT)
- Giáo dục Địa Phương 11 (pdf)
- Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp 11 (KNTT)
- GDTC: Bóng chuyền lớp 10 (KNTT)

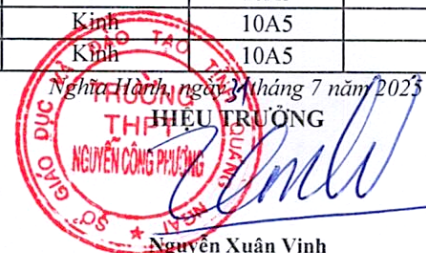
* Giải thích: KNTT - Kết nối tri thức; CTST - Chân trời sáng tạo

02. Môn học lựa chọn

- Vật lý 11 (KNTT)
- Hóa học 11 (KNTT)
- Địa lý 11 (CTST)
- GDKT-PL 11 (KNTT)

03. Chuyên đề

- Toán 11(KNTT)
- Vật lý 11(KNTT)
- Hóa 11(KNTT)



Nghị định 11/2019/NĐ-CP, ngày 21 tháng 7 năm 2019

THPT NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG

Nguyễn Xuân Vinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11B6 NĂM HỌC 2025-2026
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM: NGUYỄN THỊ DANH

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp năm học trước	Ghi chú
1	Lê Thị Kim Anh	54281716	07/4/2009	Nữ	Kinh	10A6	
2	Nguyễn Quỳnh Anh	54281717	29/3/2009	Nữ	Kinh	10A6	
3	Nguyễn Hòa Bảo	54281718	27/3/2009	Nam	Kinh	10A6	
4	Võ Trịnh Thu Bình	54281719	01/9/2009	Nữ	Kinh	10A6	
5	Đồng Phạm Bảo Châu	54281720	28/02/2009	Nữ	Kinh	10A6	
6	Lương Hữu Chiến	54281721	02/5/2009	Nam	Kinh	10A6	
7	Lê Văn Chương	54281722	08/5/2009	Nam	Kinh	10A6	
8	Lưu Mạnh Cường	54281723	13/11/2009	Nam	Kinh	10A6	
9	Võ Thị Kiều Duyên	54281725	25/11/2009	Nữ	Kinh	10A6	
10	Đoàn Đan Dư	54281726	30/10/2008	Nam	Kinh	10A6	
11	Lương Hữu Đạt	54281727	06/6/2009	Nam	Kinh	10A6	
12	Nguyễn Ngọc Hà		05/12/2009	Nam	Kinh	Chuyển trường	
13	Nguyễn Thị Thanh Hà	54281728	10/10/2009	Nữ	Kinh	10A6	
14	Nguyễn Thảo Gia Hân	54281729	19/9/2009	Nữ	Kinh	10A6	
15	Nguyễn Đình Hiếu	54281730	02/6/2009	Nam	Kinh	10A6	
16	Võ Thị Thanh Hiếu	54281731	15/9/2009	Nữ	Kinh	10A6	
17	Huỳnh Văn Hòa	54281732	05/02/2009	Nam	Kinh	10A6	
18	Nguyễn Huy Hoàng	54281733	16/12/2009	Nam	Kinh	10A6	
19	Trần Văn Hoàng	54281734	18/02/2009	Nam	Kinh	10A6	
20	Bùi Nguyễn Quốc Hưng	54281735	30/11/2009	Nam	Kinh	10A6	
21	Huỳnh Triệu Kha	54281736	05/9/2009	Nam	Kinh	10A6	
22	Phạm Trần Diễm Ly	54281737	19/4/2009	Nữ	Kinh	10A6	
23	Nguyễn Hữu Mẫn	54281738	02/4/2009	Nam	Kinh	10A6	
24	Lê Tú Nhân	54281739	24/10/2009	Nam	Kinh	10A6	
25	Nguyễn Yến Nhi	54281740	30/3/2009	Nữ	Kinh	10A6	
26	Nguyễn Thị Quỳnh Như	54281741	16/10/2009	Nữ	Kinh	10A6	
27	Phạm Thị Hà Như	54281742	05/4/2009	Nữ	Kinh	10A6	
28	Huỳnh Văn Phát	51200885	03/01/2008	Nam	Kinh	10A6	
29	Nguyễn Tấn Phát	54281743	29/6/2008	Nam	Kinh	10A6	
30	Lê Nguyễn Diệu Phúc	54281744	11/10/2009	Nữ	Kinh	10A6	
31	Lê Nguyễn Mạnh Quân	54281745	02/01/2009	Nam	Kinh	10A6	
32	Đỗ Thị Bảo Quyên	54281746	26/6/2009	Nữ	Kinh	10A6	
33	Nguyễn Phương Quỳnh	54281747	31/10/2008	Nữ	Kinh	10A6	
34	Phạm Thị Như Quỳnh	54281748	24/02/2009	Nữ	Kinh	10A6	
35	Đoàn Thanh Sơn	54281749	09/5/2008	Nam	Kinh	10A6	
36	Nguyễn Tấn Tạo	54281750	25/11/2009	Nam	Kinh	10A6	
37	Phan Thị Minh Tâm	54281751	11/9/2009	Nữ	Kinh	10A6	
38	Võ Thị Thu Thủy	54281753	02/8/2009	Nữ	Kinh	10A6	
39	Nguyễn Võ Thu Trang	54281754	10/9/2009	Nữ	Kinh	10A6	
40	Nguyễn Lê Phi Trường	54281755	17/01/2009	Nam	Kinh	10A6	
41	Lê Hà Anh Tuấn	54281756	28/3/2009	Nam	Kinh	10A6	
42	Phan Văn Tư	54281757	11/6/2009	Nam	Kinh	10A6	
43	Phan Bá Tường	54281758	24/4/2009	Nam	Kinh	10A6	KT
44	Chế Quốc Việt	54281759	31/01/2009	Nam	Kinh	10A6	
45	Nguyễn Thị Như Ý	54281760	09/12/2009	Nữ	Kinh	10A6	

CHƯƠNG TRÌNH HỌC

01. Môn học bắt buộc

- Toán 11 (KNTT)
- Ngữ văn 11 (KNTT)
- Tiếng Anh 11 (Global Success)
- Lịch sử 11 (KNTT)
- Giáo dục Quốc phòng An Ninh 11 (KNTT)
- Giáo dục Địa Phương 11 (pđf)
- Hoạt động Trải nghiệm, Hướng nghiệp 11 (KNTT)
- GDTC: Bóng chuyền lớp 10 (KNTT)

* Giải thích: KNTT - Kết nối tri thức; CTST - Chân trời sáng tạo

02. Môn học lựa chọn

- Hóa học 11 (KNTT)
- Tin UD 11 (KNTT)
- Địa 11 (CTST)
- KTPL 11 (CTST)

03. Chuyên đề

- Toán 11 (KNTT)
- Hóa 11 (KNTT)
- Tin UD 11 (KNTT)

Ngày ban hành: 31 tháng 7 năm 2025
THIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG
Nguyễn Xuân Vinh